

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2023/DS-PT

Ngày: 20-7-2023

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy quyết định hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Trọng Nhân.

2. Ông Nguyễn Văn Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy Dung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy quyết định hành chính”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện W bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 155a/2023/QĐ-PT ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Mai Thị A, sinh năm 1964.

1.2. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1983.

1.3. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Số 36 ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Trung Trực
- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hồng D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 177/1A Nguyễn Duy Trinh, khu phố 1, phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Nguyễn Hồng E, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp 4, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị F, sinh năm 1960 (văn bản uỷ quyền ngày 17-11-2017 và ngày 11-7-2018).

Địa chỉ: Số 338 Quốc lộ 62, phường U, thành phố U, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 36 ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Huỳnh Thị G: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (văn bản uỷ quyền ngày 23-9-2019 và 30-01-2023).

Địa chỉ: Số 403 ấp Ngãi Lợi A, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố U, tỉnh Long An.

3.2. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Ô, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Văn S: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 (văn bản uỷ quyền ngày 14-5-2018).

Địa chỉ: Ấp Ngãi Lợi B, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố U, tỉnh Long An.

3.3. Ủy ban nhân huyện W, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đông Thành, huyện W, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Nguyên – Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Suôn – Phó Chủ tịch.

3.4. Ủy ban nhân dân xã V, huyện W.

Địa chỉ: Ấp 2, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Phong – Chủ tịch.

3.5. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số 137 Quốc lộ 1A, Phường P, thành phố U, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh Thành – Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tấn Thương - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W.

3.6. Văn phòng công chứng Đức Huệ.

Địa chỉ: Số 117 Khu phố 3, thị trấn Q, huyện W, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hoà – Trưởng văn phòng.

3.7. Bà Võ Thị G, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

3.8. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 28 ấp 1, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

4. Người làm chứng: Ông Trần L, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Thị G.

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện W, tỉnh Long An.

(Bà F, bà A, bà H, bà Huỳnh Thị G, bà C, ông B, ông K, ông Trực, bà Võ Thị G có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các đơn khởi kiện ngày 12-10-2018, ngày 30-5-2022, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C trình bày và yêu cầu:

Nguồn gốc thửa đất 460 (số thửa cũ là 1238 và 1257), diện tích 20.031,3m² và thửa đất 459, tờ bản đồ số 4, diện tích 496m², tọa lạc tại xã V, huyện W do cha chồng bà A là ông Huỳnh Văn Z tặng cho chồng bà A là ông Huỳnh Văn J (hiện đã chết năm 2018). Khi tặng cho thì ông Tợ không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất là của ông Tợ, tặng cho cũng không làm giấy tờ. Gia đình bà A trồng tràm từ năm 2002 đến nay. Việc thu hoạch tràm do bà A nhờ ông K thu hoạch. Ông Tại thường xuyên bị bệnh nên không đi đăng ký quyền sử dụng đất. Hiện trên phần đất thửa 459 có một căn nhà tình thương, ngôi mộ của ông Tại.

Năm 2004, bà A phát hiện thửa đất 1238 và 1257 trên được cấp cho ông Nguyễn Hồng D. Năm 2014, ông D làm thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành số thửa mới là 460, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W. Năm 2016, ông D tặng cho phần đất trên cho con của ông D là ông Nguyễn Hồng E (đã chỉnh lý biên động ngày 08-4-2016). Thửa 459 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các đồng nguyên đơn yêu cầu:

- Hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1238 và thửa 1257 (thửa cũ) của Ủy ban nhân dân huyện W cấp cho ông Nguyễn Hồng D năm 2004.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 460, diện tích 20.031,3m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V của Ủy ban nhân dân huyện W cấp cho ông D ngày 05-11-2014.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Hồng D sang ông Nguyễn Hồng E đối với thửa 460, diện tích 20.031,3m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V.

- Hủy chỉnh lý biên động ngày 08-4-2016 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện W chỉnh lý biên động sang tên Nguyễn Hồng Lâm.

- Công nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 460, diện tích 20.031,3m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V là của các ông (bà) Phước, Rem, Xoan.

Các ông (bà) Phước, Xoan, Rem rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất 459, diện tích 496m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W.

- Tại bản tự khai ngày 15-6-2018, trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Hồng D do bà Phạm Thị F đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông D không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì nguồn gốc thửa đất 460 (thửa cũ là 1238 và 1257) là của ông Võ Văn Nửa (cha bà Võ Thị G - vợ của ông D) khai hoang và sử dụng từ năm 1975. Ông Nửa tặng cho lại ông D và ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004. Năm 2014, ông D làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, ông D tặng cho lại con là ông E. Khi ông K bán tràm trên đất thì ông Nửa, ông D và bà Võ Thị G nhiều lần báo chính quyền địa phương giải quyết. Năm 2019, bà Võ Thị G tiến hành thu hoạch tràm thì bị ông K ngăn cản, xã V có lập biên bản.

Trên thửa đất 459 có căn nhà tình thương của ông Tại là vì: ông D công tác trong xã thấy hoàn cảnh ông Tại khó khăn và ông Tại lại bị bệnh nên cho ông Tại cất nhà ở.

Theo đơn khởi kiện ngày 19-7-2018, quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Hồng E do bà Phạm Thị F đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông E không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Ông E được tặng cho quyền sử dụng đất vào năm 2016 đối với thửa 460 là đúng quy định pháp luật. Sau khi được nhận tặng cho quyền sử dụng đất do ông E đi học nên không trực tiếp quản lý đất, mà giao mẹ ruột là bà Võ Thị G quản lý.

Ông E rút lại yêu cầu khởi kiện về việc tháo dỡ căn nhà tình thương trên thửa đất 459 và thu hoạch tràm trên thửa đất 460.

Tại đơn khởi kiện ngày 12-10-2018 và ngày 30-4-2022, trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị G do bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn J. Tuy nhiên, trong vụ án này bà không có yêu cầu độc lập. Bà thống nhất trình bày và yêu cầu của các nguyên đơn. Bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối với thửa 459 và 460.

Tại các đơn khởi kiện ngày 14-5-2018, ngày 14-10-2018, trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn S do ông Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguồn gốc thửa đất 460, diện tích khoảng 20.000m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W do cha mẹ ông S để lại. Từ năm 1975 anh em ông S đã đào mương, đắp bờ xung quanh, trồng tràm và giao cho ông S và ông Tại quản lý. Vì ông Tại khuyết tật nên ông S cùng ông Tại chăm sóc và thu hoạch tràm từ năm 1975 đến nay. Ngày 15-12-2016, ông S có làm đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không cơ quan nào tiếp nhận. Tháng 6-2017, ông Tại bệnh nên ông S nhờ ông K bán tràm lấy tiền chữa bệnh cho ông Tại. Ngày 20-6-2017, công an xã mời ông K lên làm việc vì đốn tràm của người khác nên ông S mới biết sự việc. Ông S thu hoạch tràm liên tục từ năm 2010 cho đến nay. Ông S khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D vào năm 2004 thửa 1238 và 1257, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 460 (hợp từ thửa 1238 và 1257) cấp cho ông D vào năm 2014, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông D và ông E thửa đất 460 vào năm 2016, hủy chỉnh lý biên động thửa 460 từ ông D sang ông E. Ngày 02-11-2020, ông S nộp đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại biên bản tự khai ngày 16-8-2018, trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị G trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông D, ông E. Nguồn gốc đất của cha ruột bà là ông Võ Văn Nửa cho chồng bà là ông D. Cha bà có tổng cộng 05 người con gồm các ông (bà) Võ Văn Đức, Võ Văn Cu, Võ Thị Gái, Võ Văn Leo, Võ Văn Tèo. Những anh em của bà có văn bản xác nhận nguồn gốc đất của cha mẹ là ông Võ Văn Nửa và bà Nguyễn Thị Bưởi cho ông D, không tranh chấp.

Tại biên bản tự khai ngày 24-9-2019, trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn K trình bày: Ông thống nhất lời trình bày và yêu cầu của các nguyên đơn. Ông xác định nguồn gốc đất tranh chấp của cha ông là ông Huỳnh Văn Z cho ông Huỳnh Văn J. Cha ông có 03 người anh em là ông, ông Huỳnh Văn J, Huỳnh Văn S. Do ông Tại bệnh nên ông là người bán trầm và đưa tiền ông Tại trị bệnh. Trong vụ án này ông không có yêu cầu độc lập.

Các đương sự thống nhất kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện W đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166, Điều 579 Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Mai Thị Phước, Huỳnh Văn Rem, Huỳnh Thị Xoan về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông Nguyễn Hồng D, Nguyễn Hồng Lâm thửa 459, diện tích 496m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy quyết định hành chính” đối với ông Nguyễn Hồng D, Nguyễn Hồng Lâm thửa 460, diện tích 20.031,3m² và thửa 459, diện tích 496m² - tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy quyết định hành chính” đối với ông Nguyễn Hồng D, Nguyễn Hồng Lâm thửa 460, diện tích 20.031,3m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W (thửa cũ là 1238 và 1257), có tứ cận:

Đông giáp thửa 398, 441, 461.

Tây giáp thửa 443, 457cl, 458cl, 493cl, 491cl, 490cl.

Nam giáp thửa 488, 487.

Bắc giáp thửa 442, 396.

(độ dài từng cạnh theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 2919-2021 của Trung tâm quy hoạch và Điều tra tài nguyên-môi trường biển khu vực phía Nam được Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 22-11-2021).

4. Về chi phí thu thập chứng cứ: 2.400.000 đồng các nguyên đơn bà A, ông B, bà C có nghĩa vụ chịu, đã nộp và chi phí xong.

5. Về chi phí đo vẽ, thẩm định và định giá tài sản:

Buộc ông Huỳnh Văn S có nghĩa vụ chịu 6.299.000 đồng, đã tạm nộp và chi phí xong.

Buộc bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ chịu 20.000.000 đồng, đã tạm nộp và chi phí xong.

6. Về án phí:

Bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí. Trả lại cho bà A, ông B, bà Huỳnh Thị G, bà C 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo Biên lai thu số 0004269 ngày 22-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W).

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22/02/2023, bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Thị G kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng hủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1238 và thửa 1257 (thửa cũ) loại đất lúa, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W do UBND huyện W cấp cho ông Nguyễn Hồng D năm 2004; hủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 460, diện tích 20.031,3m² loại đất lúa, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã V, huyện W do UBND huyện W cấp cho ông Nguyễn Hồng D ngày 05/4/2014; vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hồng D và ông Nguyễn Hồng E đối với thửa 460, diện tích 20.031,3m² loại đất lúa, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã V, huyện W; hủy chỉnh lý biên động ngày 08/4/2016 được Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện W chỉnh lý biên động từ Nguyễn Hồng Cư sang tên Nguyễn Hồng Lâm và công nhận quyền sử dụng thửa đất 460, tờ bản đồ số 4, diện tích 20.031,3m², tọa lạc xã V, huyện W cho bà Bà Mai Thị A, Ông Huỳnh Văn B và bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị G.

Ngày 01/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện W kháng nghị bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo; Viện kiểm sát không rút kháng nghị và các đương sự tranh luận như sau:

- Ông Lê Trung Trực người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận:

+ Về nguồn gốc đất: Trước khi giải phóng do ông bà khai hoang đất hoang hóa, sau giải phóng dân tới đây chủ yếu để bắt cá, trồng bàng để sống không làm lúa được. Đến năm 2002 mới trồng cây được, lúc đó ông K là em ông Tại làm bờ

bao đất, hiện nay đất vẫn còn bờ bao cả hai thửa 459, 460. Gia đình ông Tại trồng tràm nhiều đợt trên đất, đến nay vẫn còn trồng tràm. Bị đơn cũng thừa nhận tràm là do nguyên đơn trồng, ông K và bà C đã khai thác 10 năm, mỗi năm cũng có người đến mua, có những người xung quanh làm chứng, có những người làm chứng việc ông K, bà C có trồng tràm.

+ Đặc trưng của tràm là trồng rồi bỏ đó lâu lâu mới đến để chăm sóc, quá trình chăm sóc thì có ông Tại và ông K chăm sóc. Trước năm 2002, ông Tại bình thường thời gian sau này ông Tại mới bệnh và chết. Ông Tại cũng có vợ con nên đâu phải là người bệnh bẩm sinh, do tính tình nóng nảy nên hay đánh vợ con nên vợ con ông Tại không ở đó thường xuyên. Ông Tại có nhà trước, sau này mới có nhà tình thương.

+ Ủy ban nhân dân huyện W có văn bản khẳng định nguồn gốc đất là của gia đình ông Tại quản lý sử dụng từ xưa đến nay. UBND huyện cũng khẳng định việc cấp giấy cho ông D là sai đối tượng, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn khẳng định không có trồng tràm, không sử dụng mà chỉ đứng tên trên giấy. Tại phiên tòa sơ thẩm phần tranh chấp có nhà, có mồ mã mà ông Tại đang quản lý hỏi bị đơn có tranh chấp thửa 459 không thì bị đơn không tranh chấp nên nguyên đơn rút đơn khởi kiện thửa 459. Từ xưa đất này là một thửa chung sau đó cấp giấy mới thành hai thửa. Bị đơn không tranh chấp thửa 459 và không sử dụng thửa 460.

Tràm không có xạ, mà chỉ nhỏ chỗ này trồng chỗ khác, nên người đại diện bị đơn nói như vậy là không đúng câu từ của ngành nông nghiệp.

Từ đó, công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm các biên bản hòa giải chưa thể hiện nguyên đơn có tham gia. Vì vậy, vi phạm thủ tục thụ lý đơn của cấp sơ thẩm nếu chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát ông thống nhất hủy án. Vụ án này liên quan đến tài sản là tràm trên đất mà cấp sơ thẩm chưa xem xét nên để giải quyết toàn diện vụ án, ông đề nghị hủy án sơ thẩm.

- Bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C không tranh luận bổ sung.

- Bà Phạm Thị F đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận:

+ Công văn mới nhất của UBND huyện W chỉ trả lời suông cho Tòa án về nguồn gốc đất, không nêu được căn cứ nào trả lời như vậy trong khi trước đó trả lời là việc cấp giấy chứng nhận cho bị đơn là đúng đối tượng, đúng trình tự thủ tục.

+ Việc hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã là thủ tục bắt buộc. Vào ngày 10/6/2019, UBND cấp xã tổ chức hoà giải có bà A cùng các con bà A tham gia đầy đủ nên việc người bảo vệ quyền, lợi ích cho nguyên đơn cho rằng vi phạm thủ tục thụ lý là không có cơ sở nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm.

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn, kháng nghị Viện Kiểm sát có nói gia đình bà A đã biết gia đình ông D được cấp giấy từ năm 2004 nhưng đến nay mới yêu cầu hủy giấy thì đã hết thời hiệu khởi kiện hành chính (vì đang giải quyết hành chính trong vụ án dân sự).

+ Về cây trồng, quá trình sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trước tiên ông Huỳnh Văn S làm đơn khởi kiện vào năm 2017, 2018 cho rằng đất do ông nội để lại cho cha, cha để lại cho ông S nên ông S yêu cầu

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, trong quá trình điều tra phát hiện ông K có đồn tràm nên ông S trở qua nói rằng là ông bà cha mẹ cho lại cho anh em ông nên ông với ông K là người trực tiếp khai đồn đất và yêu cầu công nhận đất cho ông K. Trong quá trình xây dựng hồ sơ vụ án, ông S thấy không có khả năng thắng kiện nên đưa ông Tại vào tham gia và thống nhất với nguyên đơn là cha mẹ đã cho đất ông Tại, vậy cho khi nào? Ông Tại đã sử dụng như thế nào và gia đình ông D sử dụng như thế nào? Trong khi tất cả nguyên đơn và anh em của nguyên đơn thừa nhận rằng ông Tại bị bệnh có tinh thần không bình thường thì làm sao gọi là sử dụng đất.

+ Biên bản hòa giải vào năm 2002 gia đình bà G có đơn yêu cầu ngăn cản không cho ông K trồng tràm, ông K có nói gia đình ông Tại trồng, ông K không tranh chấp. Năm 1997, hai bên cũng có tranh chấp và sau khi xã giải quyết đã giữ nguyên canh cho ông D. Thực tế ông D sử dụng đất mới giữ nguyên canh cho ông D được. Gia đình ông D cho biết trước năm 1982 là khai đồn bằng trâu. Từ năm 1982 về sau khai đồn bằng máy cày, không trồng lúa được nên xạ tràm, gia đình ông D không có trồng tràm là đúng mà chỉ có xạ tràm. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện W.

- Bà Nguyễn Thị H tranh luận: Xạ tràm trên hai mẫu để bán là không đúng, xạ tràm là lấy tràm con bán hoặc đem trồng chỗ khác. Năm 1975, ba của ông Tại kể lại nguồn gốc đất của ông Nghị (cha vợ ông Tợ) cho lại ông Tợ. Năm 1988 có cày cấy nhưng đất phèn không cấy lúa được. Đến 1986 có bán cho ông Vinh, ông Vinh xạ tràm tại khu trên, khu dưới không xạ được nhưng vẫn không có ăn nên trả lại cho gia đình ông Tợ. Phần trên gia đình ông Tợ trồng lúa, phần dưới giữ nguyên rãnh đến khi cho ông Tại vô ở, ông Tại ở chỉ có một mình và lúc ở đó ông Tại đã bị bệnh tâm thần, Ủy ban xã thấy nghèo quá nên cho xây nhà tình thương cho ông Tại.

Ông Huỳnh Văn K tranh luận: Đất đó không có nước nên không cấy xạ được chỉ có trồng tràm, anh ông (ông Tại) ở trên đất đó giờ nên không có việc ông D cho ở. Ba của ông cho anh em ông hơn mẫu đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bà A, bà C, ông B là hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn J khởi kiện yêu cầu hủy quyết định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1238 và thửa 1257 (thửa cũ) của Ủy ban nhân dân huyện W cấp cho ông Nguyễn Hồng D năm 2004; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 460 cấp cho ông D ngày 05-11-2014; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 460 từ ông Nguyễn Hồng D sang ông Nguyễn Hồng E; Hủy chỉnh lý biên động sang tên Nguyễn Hồng Lâm ngày 08-4-2016.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì thẩm quyền giải quyết khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án là của Tòa án cấp tỉnh.

- Về nội dung kháng cáo:

+ Về nguồn gốc đất: theo nguyên đơn thừa 460 do ông Huỳnh Văn Z khai hoang sau đó tặng cho lại con là ông Huỳnh Văn J nhưng không nhớ thời gian tặng cho, không có chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất của ông Tợ. Còn theo phía bị đơn thì nguồn gốc thửa đất 460 (thửa cũ là 1238 và 1257) là của ông Võ Văn Nửa (cha bà Võ Thị G - vợ của ông D) khai hoang và sử dụng từ năm 1975, ông Nửa tặng cho lại ông D, trình bày của ông D cũng không có chứng cứ chứng minh. Năm 2004 ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về quá trình sử dụng: theo phía nguyên đơn thì ông Tại sống trên đất tranh chấp từ năm 1975 đến năm 2018 chết, do ông Tại đánh đập vợ con nên bà A và các con bỏ đi sống ở Thạnh Hóa. Năm 2002 anh em ông Tại kêu bà về và bà đã trồng tràm trên đất tranh chấp năm 2002-2003, bà nhờ ông K bán dùm và đưa tiền lại cho bà trị bệnh cho ông Tại, có 02 người làm chứng là Nguyễn Văn Minh và Đặng Văn Téo xác nhận cách đây khoảng 4-5 năm và 7-8 có mua tràm trồng trên phần đất tranh chấp do ông K bán. Theo phía bị đơn thì tràm trên đất là do gia đình bị đơn xạ, do phần đất tranh chấp này ở xa nhà nên khi phía nguyên đơn bán tràm có lúc không phát hiện, lúc nào phát hiện thì ngăn cản, cụ thể ngày 07/11/2017 Công an xã V đã lập Biên bản hòa giải và ông K cam kết không tranh chấp, không bán tràm trên phần đất của ông Nguyễn Hồng E, do theo ông K thì đất tranh chấp của ông Tại nên ông không tranh chấp với bị đơn. Năm 2019 khi bà G – vợ ông D bán tràm thì bị ông S (là anh em của ông Tại) ngăn cản và UBND xã V cũng đã lập biên bản.

Tòa án đã gửi công văn yêu cầu UBND huyện W cung cấp chứng cứ để giải quyết vụ án nhưng nội dung trả lời của Ủy ban có nhiều mâu thuẫn, cụ thể:

Theo Công văn số 40/UBND-TNMT ngày 11/01/2019 thì: nguồn gốc thửa 460, tờ bản đồ số 4 giai đoạn từ năm 1975 đến 2003 ông Võ Văn Nửa trực tiếp canh tác sử dụng, giai đoạn năm 2003-2004 ông Nửa (cha vợ ông D) tặng lại cho ông D canh tác sử dụng (không có giấy tờ, hồ sơ tặng cho)...nhưng theo Công văn số 2759/UBND-TNMT ngày 10/11/2022 lại xác định nguồn gốc sử dụng và quá trình sử dụng thửa đất số 1238, 1257, diện tích 20.309m², tờ bản đồ số 8 qua xác minh trước năm 1975 do ông Huỳnh Văn Z khai hoang sản xuất ổn định không ai tranh chấp. Sau năm 1975, các con ông Tợ tự phân chia phần đất nêu trên để sản xuất từ đó đến nay, diện tích trên toàn bộ trồng cây tràm do ông Tại trồng...; ý kiến UBND huyện đồng ý với Tòa án nhân dân huyện W về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1238, 1257 cấp cho ông D năm 2004... và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 460 cấp cho ông D ngày 05/11/2014.

Toà án nhân dân tỉnh Long An gửi nhiều lần gửi Công văn yêu cầu UBND huyện W xác định người sử dụng đất và xác định lại nội dung trả lời về việc cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không nhận được văn bản trả lời của Ủy ban (công văn số 211/TA-DS ngày 29/5/2023, công văn số 237/TA-DS ngày 14/6/2023, công văn số 280/TA-DS ngày 10/7/2023).

Từ những căn cứ trên nhận thấy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện W về thẩm quyền giải quyết vụ án là có cơ sở và cần thiết có ý kiến của UBND huyện W đối với 02 văn bản nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án nên đề nghị hủy án, giải quyết lại vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện W. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị hủy án, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Thị G kháng cáo hợp lệ và Viện kiểm sát nhân dân huyện W, tỉnh Long An kháng nghị trong thời hạn luật định là đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Phần đất tranh chấp thuộc thửa đất 460, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã V, huyện W nên Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, đại diện Ủy ban nhân dân huyện W, đại diện Ủy ban nhân dân xã V và đại diện Văn phòng công chứng Đức Huệ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử, không hoãn phiên tòa.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 01357 QSDĐ/0607-LA ngày 24/5/2004 của Ủy ban nhân dân huyện W cấp cho ông Nguyễn Hồng D đứng tên đối với các thửa đất số 1238, 1257, tờ bản đồ số 8, diện tích 20.309m², tọa lạc tại xã V, huyện W, tỉnh Long An.

Đến năm 2010, thực hiện dự án đo đạc thành lập bản đồ địa chính 3 xã, thị trấn thì ông Nguyễn Hồng D có đến UBND xã V để thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, thì 02 thửa đất: thửa đất số 1238, 1257, tờ bản đồ số 8, tổng diện tích 20.309m², đất tọa lạc: ấp 1, xã V, huyện W (theo theo bản đồ đồ năm 1997) được tách ra thành 02 thửa đất mới gồm thửa đất số 459, tờ bản đồ số 4, diện tích 496m², loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất số 460, tờ bản đồ 4, diện tích 20.031,3m², loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) đã được được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 309409 cấp ngày 05/11/2014 số vào sổ cấp GCN: CH 07969, địa chỉ thửa đất ấp 1, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

Đến ngày 30/3/2016, ông Nguyễn Hồng D thực hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn Phòng công

chứng Đức Huệ chứng nhận số 946, quyền 01/2016-TP/CC-SCC/HĐGD gồm 04 thửa đất trong đó có thửa đất số 460, tờ bản đồ 4, diện tích 20.031,3m², loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) cho con ruột là ông Nguyễn Hồng E, sinh năm 1992, thường trú ấp 1, xã V, huyện W, tỉnh Long An. Sau đó Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W cập nhật chỉnh lý biến động sang tên Nguyễn Hồng Lâm (chỉnh trang 4 không ra giấy mới).

[2.2] Tại Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 2919-2021 do Trung tâm quy hoạch và Điều tra tài nguyên-môi trường biển khu vực phía Nam đo vẽ ngày 15/12/2021 được Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 22/11/2021 các đương sự đều thống nhất gồm khu B1 diện tích 20.031,3m² thuộc thửa 460, khu B2 diện tích 496m² thuộc thửa 459 cùng tờ bản đồ 4, tọa lạc xã V, huyện W, tỉnh Long An.

[2.3] Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đều không có yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp.

[2.4] Các nguyên đơn cho rằng đất của ông Huỳnh Văn Z cho ông Huỳnh Văn J nhưng không có bất kỳ tài liệu nào chứng minh, ông Tại cũng không có một giấy tờ nào theo điều 100 của luật đất đai và Điều 18 của Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2021 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Các nguyên đơn cũng không chứng minh được ông Tở đã từng sử dụng phần đất tranh chấp.

[2.5] Tại bản giám định chuyên khoa tâm thần của Hội đồng giám định y khoa ngày 24-3-2008 thì ông Huỳnh Văn J bị chậm phát triển trí tuệ trung bình, không đủ năng lực hành vi bản thân. Các nguyên đơn cùng ông Huỳnh Văn K và ông Huỳnh Văn S đều thừa nhận ông Huỳnh Văn J bị bệnh tinh thần không ổn định nên không có cơ sở khẳng định ông Tại sử dụng phần đất tranh chấp.

[2.6] Biên bản hoà giải ngày 22/6/1996 của Uỷ ban nhân dân xã V, huyện W đã xác định “...giữ nguyên canh số diện tích tranh chấp cho ông Nguyễn Hồng D...” nghĩa tại thời điểm tranh chấp (năm 1996) ông D là người đang sử dụng phần đất tranh chấp. Điều này phù hợp với lời trình bày của các nguyên đơn tại phiên toà phúc thẩm là vào năm 2002 thì các nguyên đơn mới từ huyện Y quay về sử dụng phần đất tranh chấp chứ không phải sử dụng đất từ năm 1996. Tuy nhiên, lời trình bày của nguyên đơn cũng không có tài liệu nào chứng minh về việc sử dụng đất.

[2.7] Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2017 của Công an xã V, ông Huỳnh Văn K (anh ruột của ông Huỳnh Văn J) thừa nhận rằng “tôi có bán cây tràm trên đất ông Nguyễn Hồng E thửa đất số 460, tờ bản đồ số 1, diện tích...”. Tại Biên bản hoà giải ngày 07/11/2017 của Uỷ ban nhân dân xã V, huyện W cũng có nội dung “Ông Huỳnh Văn K cam kết về phần đất của Nguyễn Hồng Lâm con bà Võ Thị G tôi sẽ không S quyền bán, không canh tác, không S bán tràm trên đất nếu có tái phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”.

[2.8] Tại Công văn số 515/CV-UBND ngày 29/6/2023 của Uỷ ban nhân dân xã V, huyện W “xác định lại và có ý kiến việc xét cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Hồng D thửa đất số 460 (thửa cũ là thửa đất số 1238, 1257, tờ bản đồ số

8, tổng diện tích 20.309 m², đất tọa lạc: ấp 1, xã V, huyện W (theo theo bản đồ đồ năm 1997) là đúng quy định của Luật Đất đai”.

[2.9] Trong quá trình giải quyết, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ trong đó có Công văn số 2759/UBND-TNMT ngày 10/11/2022 và Công văn số 40/UBND-TNMT ngày 11/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện W có nội dung hoàn toàn trái ngược nhau về người sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, Tòa án đã có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện W đến lần thứ 3 trả lời và khẳng định nội dung nào là đúng. Tuy nhiên, đến nay Ủy ban nhân dân huyện W vẫn không có văn bản trả lời cho Tòa án.

Xét thấy, Công văn số 40/UBND-TNMT ngày 11-01-2019 Ủy ban nhân dân huyện W cho rằng nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất 460 là do ông Võ Văn Nửa canh tác sử dụng từ năm 1975 đến 2004 tặng cho ông Nguyễn Hồng D. Ông D đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, ông D tặng cho lại con là ông E. Trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn khởi kiện phát sinh thửa 459 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân huyện W yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện W có ý kiến và cung cấp chứng cứ. Ngược lại, tại Công văn số 2759/UBND-TNMT ngày 10-11-2022 của Ủy ban nhân dân huyện W căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 13-10-2013 đối với ông Nguyễn Văn Hai, địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện W cho rằng nhiệm kỳ 1994 -1997 (ông Hai giữ chức vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V) khai rằng “không xem xét giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Nửa và giữ nguyên canh cho ông Huỳnh Văn J canh tác sản xuất” để cho rằng nguồn gốc đất của ông Huỳnh Văn Z tặng cho ông Huỳnh Văn J nhưng không kèm theo tài liệu nào chứng minh phần đất trên là của ông Tợ. Hơn nữa, tại biên bản giải quyết ngày 22-6-1996 do Ủy ban nhân dân huyện W cung cấp cũng thể hiện không có sự tham gia của ông Nguyễn Văn Hai nên việc ông Hai khai như trên là không có cơ sở thuyết phục. Vì vậy, nội dung trong Công văn số 2759/UBND-TNMT nêu trên là không có cơ sở vững chắc để phủ nhận Công văn số 40/UBND-TNMT ngày 11-01-2019 của chính Ủy ban nhân dân huyện W.

[2.10] Tại biên bản hoà giải của Ủy ban nhân dân xã V ngày 10/6/2019 đã thể hiện ý kiến của các nguyên đơn trong việc tranh chấp phần đất nêu trên nên việc người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục thụ lý vụ án là không có cơ sở chấp nhận.

[2.11] Các đương sự không có tranh chấp phần cây trồng trên đất nên Tòa án không xem xét giải quyết. Do đó, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị huỷ án sơ thẩm để giải quyết lại có cả phần cây trồng trên đất là không đúng Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.12] Bà Huỳnh Thị G đã rút đơn khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm nhưng lại kháng cáo yêu cầu công nhận phần đất trên cho bà cùng những nguyên đơn là không có cơ sở.

Từ đó thấy rằng, kháng cáo của các nguyên đơn, lời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn của Trợ giúp viên Nguyễn Trung Trực là không có cơ sở chấp nhận; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện W là chưa có cơ

sở vững chắc nên không S chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là chưa phù hợp nên không S chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nên không phải chịu theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện W, tỉnh Long An.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166, Điều 579 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Mai Thị Phước, Huỳnh Văn Rem, Huỳnh Thị Xoan về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông Nguyễn Hồng D, Nguyễn Hồng Lâm thửa 459, diện tích 496m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy quyết định hành chính” đối với ông Nguyễn Hồng D, Nguyễn Hồng Lâm thửa 460, diện tích 20.031,3m² và thửa 459, diện tích 496m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W.

[3] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy quyết định hành chính” đối với ông Nguyễn Hồng D, Nguyễn Hồng Lâm thửa 460, diện tích 20.031,3m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã V, huyện W (thửa cũ là 1238 và 1257), có tứ cận:

Đông giáp thửa 398, 441, 461.

Tây giáp thửa 443, 457cl, 458cl, 493cl, 491cl, 490cl.

Nam giáp thửa 488, 487.

Bắc giáp thửa 442, 396.

(độ dài từng cạnh theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 2919-2021 của Trung tâm quy hoạch và Điều tra tài nguyên-môi trường biển khu vực phía Nam được Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 22-11-2021).

[4] Về chi phí thu thập chứng cứ: Buộc các nguyên đơn bà A, ông B, bà C có nghĩa vụ phải chịu 2.400.000 đồng (đã nộp và chi phí xong).

[5] Về chi phí đo vẽ, thẩm định và định giá tài sản:

Buộc ông Huỳnh Văn S có nghĩa vụ chịu 6.299.000 đồng (đã tạm nộp và chi phí xong).

Buộc bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ chịu 20.000.000 đồng (đã tạm nộp và chi phí xong).

[6] Về án phí:

Bà Mai Thị A, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị C thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí. Trả lại cho bà A, ông B, bà Huỳnh Thị G, bà C 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo Biên lai thu số 0004269 ngày 22-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W).

[7] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị G số tiền 300.000 đồng mà bà G đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0001207 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W.

[8] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh